

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

Báo cáo của Hội đồng Thành viên
và báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2013



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
THÔNG TIN CHUNG	1 - 2
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 38

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (tên trước đây là Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt), là công ty con 100% sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt (trước đây là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam), được thành lập theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HĐQT-BV ngày 22 tháng 08 năm 2005 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 08 tháng 11 năm 2005.

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2007, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số 10/UBCK-GPĐCQLQ, theo đó:

- ▶ Tên của Công ty được đổi thành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- ▶ Vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 25 tỷ đồng Việt Nam lên 50 tỷ đồng Việt Nam; và
- ▶ Thành viên sáng lập của Công ty là Tập đoàn Bảo Việt.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Thành viên Hội đồng Thành viên trong năm 2013 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2012
Ông Bùi Tuấn Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2012
Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2012
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2012
Ông James Richard Hughes	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2012
Ông Hatawaki Mitsuhiro	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 08 năm 2013 Bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2013

KIỂM SOÁT VIÊN

Các kiểm soát viên trong năm 2013 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Hoàng Anh Đức	Kiểm soát viên trưởng	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2012
Ông Đỗ Quang Cường	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2012
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2012



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong năm 2013 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Bùi Tuấn Trung	Tổng Giám đốc	28 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Tuấn Trung, chức danh: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

- C.
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
QUẢN LÝ
QUỸ BẢO VIỆT
KIỂM TOÁN VIÊN

1/2/13
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
QUẢN LÝ
QUỸ BẢO VIỆT
KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Thành viên:



Ông Lê Quang Bình
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2014



Số tham chiếu: 60780870/16489148

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (“Công ty”), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2014 và được trình bày từ trang 06 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1



Lê Đức Linh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1672-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
100	A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG		34.573.538.695	71.859.871.342
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	560.917.053	5.128.454.772
111	1. Tiền		560.917.053	5.128.454.772
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.1	27.000.000.000	57.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		27.000.000.000	57.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.476.101.749	7.342.183.248
131	1. Phải thu từ hoạt động đầu tư	6	1.881.333.338	2.534.888.891
132	2. Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	7.1	3.657.112.235	3.353.592.998
133	3. Phải thu các bên liên quan	8	4.201.434.526	3.774.194.315
134	4. Phải thu khác		89.814.648	27.022.143
135	5. Dự phòng phải thu khó đòi	7.2	(3.353.592.998)	(2.347.515.099)
150	IV. Tài sản lưu động khác		536.519.893	2.389.233.322
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	485.402.133	2.385.486.454
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		51.117.760	3.746.868
200	B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN		28.370.816.503	749.906.911
210	I. Tài sản cố định		229.575.927	749.906.911
211	1. Tài sản cố định hữu hình	10	80.100.858	388.435.424
212	Nguyên giá		3.223.447.065	5.398.016.364
213	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.143.346.207)	(5.009.580.940)
217	2. Tài sản cố định vô hình	11	149.475.069	361.471.487
218	Nguyên giá		2.190.541.483	2.203.181.983
219	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.041.066.414)	(1.841.710.496)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.2	28.000.000.000	-
258	1. Đầu tư dài hạn khác		28.000.000.000	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		141.240.576	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn khác		141.240.576	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		62.944.355.198	72.609.778.253



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		8.208.447.933	21.513.879.891
310	I. Nợ ngắn hạn		8.208.447.933	21.513.879.891
312	1. Phải trả người bán	12	227.309.005	3.519.823.528
	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.099.702.218	1.560.951.964
314				
315	3. Phải trả người lao động	14	1.783.066.138	3.695.112.523
317	4. Phải trả các bên liên quan	15	4.001.395.774	11.389.664.345
319	5. Phải trả, phải nộp khác	16	393.680.259	317.630.897
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	703.294.539	1.030.696.634
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	54.735.907.265	51.095.898.362
410	I. Nguồn vốn		54.735.907.265	51.095.898.362
411	1. Vốn điều lệ		50.000.000.000	50.000.000.000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		4.735.907.265	1.095.898.362
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		62.944.355.198	72.609.778.253



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VNĐ

	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
031	1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	18.471.770.023	23.501.440.961
041	2. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	22.610.434.137.270	18.115.009.448.013
	Trong đó:		
	- Danh mục cổ phiếu	617.649.746.053	819.143.200.629
	- Danh mục trái phiếu	16.619.382.579.123	13.587.287.435.666
	- Tiền gửi có kỳ hạn	5.327.651.407.002	3.639.811.007.002
	- Đầu tư khác	45.750.405.092	68.767.804.716
050	3. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	2.051.297.468.394	1.107.113.727.022
051	4. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	(4.187.189.507.855)	(704.869.106.727)

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Chiến
Kế toán

Phê duyệt:



Ông Nguyễn Quang Tuấn
Kế toán Trưởng

Phê duyệt:



Ông Bùi Tuấn Trung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	19	42.218.208.841	42.164.073.063
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần		42.218.208.841	42.164.073.063
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	(57.630.486)	(75.090.786)
12	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh		42.160.578.355	42.088.982.277
13	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.407.788.270	9.256.512.522
15	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(32.107.298.852)	(32.715.690.176)
16	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.461.067.773	18.629.804.623
17	9. Thu nhập khác		12.510.000	4.632.142
18	10. Chi phí khác		(979.087)	(23.627.417)
19	11. Lợi nhuận khác		11.530.913	(18.995.275)
20	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.472.598.686	18.610.809.348
21	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.2	(3.312.640.595)	(3.943.372.474)
22	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		13.159.958.091	14.667.436.874

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Chiến
Kế toán

Phê duyệt:



Ông Nguyễn Quang Tuấn
Kế toán Trưởng

Phê duyệt:



Ông Bùi Tuấn Trung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ phí quản lý quỹ		41.401.449.393	46.551.607.292
05	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	63.971.481
06	Tiền trả cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(8.550.374.341)	(11.170.991.537)
08	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.500.557.068)	(4.696.361.762)
09	Tiền trả cho cán bộ công nhân viên		(15.215.691.462)	(14.802.792.334)
11	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.062.040.702)	(9.008.047.488)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.072.785.820	6.937.385.652
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
31	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(119.530.000)	(149.000.000)
32	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		13.761.000	-
33	Tiền đầu tư chứng khoán		(40.000.000.000)	(63.694.598.652)
34	Thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán		42.000.000.000	65.694.598.652
37	Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác		7.061.343.823	7.618.401.410
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		8.955.574.823	9.469.401.410



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
41	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Chuyển lợi nhuận về Tập đoàn Bảo Việt		(15.595.898.362)	(16.640.528.155)
50	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(15.595.898.362)	(16.640.528.155)
60	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4.567.537.719)	(233.741.093)
70	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.128.454.772	5.362.195.865
80	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
90	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	560.917.053	5.128.454.772

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Chiến
Kế toán

Phê duyệt:

Ông Nguyễn Quang Tuấn
Kế toán Trưởng

Phê duyệt:



Ông Bùi Tuấn Trung
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn điều lệ		50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	18	11.280.020.929	1.095.898.362	14.667.436.874	(24.851.559.441)	13.159.958.091	(9.519.949.188)	1.095.898.362	4.735.907.265
TỔNG CỘNG		61.280.020.929	51.095.898.362	14.667.436.874	(24.851.559.441)	13.159.958.091	(9.519.949.188)	51.095.898.362	54.735.907.265

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Chiến
Kế toán

Phê duyệt:



Ông Nguyễn Quang Tuấn
Kế toán Trưởng

Phê duyệt:



Ông Bùi Tuấn Trung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (tên trước đây là Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt), là công ty con 100% sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt (trước đây là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam), được thành lập theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HĐQT-BV ngày 22 tháng 08 năm 2005 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 08 tháng 11 năm 2005.

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2007, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số 10/UBCK-GPĐCQLQ, theo đó:

- ▶ Tên của Công ty được đổi thành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- ▶ Vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 25 tỷ đồng Việt Nam lên 50 tỷ đồng Việt Nam; và
- ▶ Thành viên sáng lập của Công ty là Tập đoàn Bảo Việt.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Hoạt động của Công ty trong năm 2013 bao gồm:

<i>Danh mục đầu tư / Quỹ đầu tư</i>	<i>Chủ sở hữu</i>	<i>Giá trị tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)</i>
<i>Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán:</i>		
Danh mục Bảo hiểm Bảo Việt	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	2.025.941.168.764
Danh mục Bảo Việt Nhân Thọ	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ ("Bảo Việt Nhân Thọ")	16.485.843.545.864
Danh mục Công ty Nhiệt điện Phả Lại	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	20.944.384.734
Danh mục Bảo Việt Tokio Marine	Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine	179.782.334.524
Danh mục từ nguồn Sản phẩm liên kết chung (UNV)	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	1.073.157.214.370
		19.785.668.648.256
<i>Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:</i>		
Quỹ đầu tư chứng khoán Bảo Việt (BVF1)	Tập đoàn Bảo Việt, Bảo hiểm Bảo Việt, Bảo Việt Nhân Thọ, Tổng Công ty CP Bảo Minh, Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng	471.331.444.902
TỔNG CỘNG		20.257.000.093.158



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. CÔNG TY (tiếp theo)

Công ty có trụ sở chính tại số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 42 người (31 tháng 12 năm 2012: 44 người), trong đó có 20 nhân viên quản lý các cấp, 02 nhân viên tuyển dụng mới, 01 nhân viên chuyển công tác, và 03 nhân viên nghỉ việc. Công ty có 12 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, chi tiết như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Số giấy phép</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Vị trí công tác</i>
Bùi Tuấn Trung	00044/QLQ	04/02/2009	Tổng giám đốc
Đậu Minh Lâm	00034/QLQ	04/02/2009	Giám đốc đầu tư
Nguyễn Phương Anh	00022/QLQ	04/02/2009	Phó Giám đốc Khối Phát triển kinh doanh
Nguyễn Đình Duy	000519/QLQ	29/01/2010	Trưởng phòng Nghiên cứu chiến lược
Nguyễn Tiến Hải	00423/QLQ	02/11/2009	Khối đầu tư lãi suất cố định
Phạm Lương Hoàng	00030/QLQ	04/02/2009	Kiểm soát viên nội bộ
Vũ Thị Thanh Hồng	00055/QLQ	27/02/2009	Trưởng văn phòng đại diện Miền nam
Đặng Chí Nghĩa	00412/QLQ	11/08/2009	Phó Phòng Tài chính kế toán Khối hoạt động
Nguyễn Tuấn Phong	000528/QLQ	29/01/2010	Khối đầu tư lãi suất cố định
Phạm Quang Thanh	00042/QLQ	04/02/2009	Giám đốc khối cổ phiếu và đầu tư bất động sản
Nguyễn Kim Thúy	00043/QLQ	04/02/2009	Giám đốc khối đầu tư lãi suất cố định
Đoàn Thu Trang	000534/QLQ	29/01/2010	Khối cổ phiếu và đầu tư bất động sản

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5); và

Theo các quy định này, báo cáo tài chính của Công ty bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán;
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
4. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu; và
5. Thuyết minh báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho giai đoạn kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán sau:

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013. Theo quy định của Thông tư này, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- ▶ Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- ▶ Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; và
- ▶ Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên.

Theo đó, kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Công ty thực hiện giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng trên bảng cân đối kế toán, đồng thời ghi nhận giá trị còn lại của các tài sản này vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

10
 CC
 HN
 AT
 AT
 KI
 09
 NH
 TY
 HỮU
 YOUNG
 AM
 HỘI
 -T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

Giá trị vốn của các khoản chứng khoán bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Trên 3 năm	100%

3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.7 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm tài chính tiếp theo:

- ▶ Chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên;
- ▶ Chi phí cho dự án hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ (TSCTA);

Loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm tài chính tiếp theo:

- ▶ Các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

3.8 Lợi ích của nhân viên

Các khoản trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí cho các nhân viên của Công ty sau khi nghỉ hưu do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chi trả. Theo quy định, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, hàng tháng Công ty sẽ đóng góp vào quỹ lương hưu cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo mức 17% trên mức lương cơ bản của nhân viên (từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 16% và trước 01 tháng 01 năm 2010 là 15%). Ngoài ra, Công ty không có nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

- ▶ *Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2012, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính;
- ▶ *Trợ cấp mất việc:* theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

Theo Quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, từ năm 2012, Công ty không trích lập hay duy trì Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

V. M. G. V. M. G. V. M. G.

V. M. G. V. M. G. V. M. G.

